TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5-VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2026/HS-ST
Ngày: 10/3/2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5-VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Văn Trình
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lê Thị Hoàng Diễm
2. Ông Nguyễn Trí Chấn

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Vương - Thư ký viên.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 5-Vĩnh Long tham gia phiên tòa*:** Ông Phan Minh Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 3 năm 2026 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 5-Vĩnh Long, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 20/2026/TLST-HS ngày 05/02/202, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2026/QĐXXST-HS ngày 26/02/2026 đối với bị cáo:

Lê Văn T, sinh năm 1969 tại tỉnh Đồng Tháp; nơi cư trú: số C, đường L, khu phố B, phường H, Thành phố Hồ Chí Minh; căn cước công dân số: 079069001394; trình độ văn hóa: 4/12; nghề nghiệp: lao động tự do; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn G (đã chết) và bà Phan Thị L (đã chết); bị cáo từng có vợ tên Ngô Thị Thủy T1 (đã ly hôn); con: có 02 người con sinh năm 2002 và năm 2006; tiền án: không; tiền sự: không;

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 18/12/2025 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại tòa.

- Bị hại: Công ty trách nhiệm hữu hạn Đ; địa chỉ: số B, đường N, phường S, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: Hồ Thị Thúy P; chức vụ: Giám đốc. Vắng mặt

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Võ H, sinh năm 1979; nơi cư trú: số C đường C, phường C, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ngô S, sinh năm 1981; nơi cư trú: số A, khu phố B, phường P, tỉnh Vĩnh Long. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 12/12/2018, Lê Văn T được Công ty TNHH Đ (sau đây viết tắt là Công ty Đ) ở Số B, N, phường Đ, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường S,

Thành phố Hồ Chí Minh) do bà Hồ Thị Thúy P làm Giám đốc ký hợp đồng cho thuê xe ô tô Biển số 51F-323.99, nhãn hiệu Toyota, loại Vios để kinh doanh vận tải hành khách. Thời gian đầu, T sử dụng xe ô tô Biển số 51F-323.99 hành nghề taxi công nghệ và thanh toán tiền thuê xe cho Công ty Đ theo đúng thỏa thuận trong hợp đồng. Đến khoảng tháng 6 năm 2021, do hoạt động kinh doanh bị thua lỗ, T nảy sinh ý định cầm cố xe ô tô Biển số 51F-323.99 lấy tiền trả nợ. Để thực hiện ý định, T mang xe ôtô Biển số 51F-323.99 đến Công ty TNHH D (Công ty D) ở thành phố M, tỉnh Tiền Giang (nay là phường M, tỉnh Đồng Tháp) do ông Ngô Hữu N làm Giám đốc để cầm cố nhưng ông N không nhận cầm do giấy tờ xe không hợp lệ.

Thấy xe không có giấy tờ khó cầm cố nên T thuê một nam thanh niên (không xác định họ tên, địa chỉ) ở khu vực V xoay T, thành phố M, tỉnh Tiền Giang (nay là phường M, tỉnh Đồng Tháp) làm bản photo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô Biển số 51F-323.99 mang tên Lê Văn T với giá 500.000 đồng. Sau đó, T liên hệ Ngô S để cầm xe được S đồng ý. Tốt mang xe ôtô Biển số 51F-323.99 đến phường P, thành phố B (nay là phường P, tỉnh Vĩnh Long) gặp S, T đưa cho S xem bản chính Giấy chứng nhận đăng kiểm và bản photo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô mang tên Lê Văn T, T nói với S bản chính Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô đã bị Cảnh sát giao thông Công an Thành phố H tạm giữ do T vi phạm hành chính về giao thông. Story nhận cầm xe ôtô Biển số 51F-323.99 với số tiền 50.000.000 đồng. Tốt giao xe ô tô Biển số 51F-323.99 và giấy tờ xe cho Story quản lý. Khoảng 01 đến 02 tháng sau, T đến gặp S thỏa thuận bán xe ô tô Biển số 51F-323.99 với giá 260.000.000 đồng. Story thanh toán thêm cho Tốt số tiền 42.500.000 đồng (trừ tiền lãi suất cầm xe trước đó là 7.500.000 đồng). Tốt viết "Giấy bán, cho, tặng xe" cam kết trong thời hạn 03 tháng, T sẽ giao Giấy chứng nhận đăng ký xe để nhận số tiền còn lại. Sau đó, T không còn liên lạc với Công ty Đ và bỏ trốn đến tỉnh An Giang.

Vật chứng thu giữ do Ngô S giao nộp: 01 (một) xe ô tô Biển số 51F-323.99, nhãn hiệu Toyota, số loại Vios, màu bạc, số máy: 1NZZ304206, số khung: RL4BT9F35F4015506; 01 (một) Giấy bán, cho, tặng xe (bản chính); 01 (một) Giấy chứng nhận kiểm định số KD 6355851 (bản chính); 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 102271 (bản sao).

Kết luận định giá tài sản số 978/KL-HĐĐG ngày 30/11/2021 của Hội đồng định giá tài sản thành phố B, tỉnh Bến Tre (nay là tỉnh Vĩnh Long) kết luận: 01 (một) xe ô tô Biển số 51F-323.99, nhãn hiệu Toyota, số loại Vios, màu bạc, số máy: 1NZZ304206, số khung: RL4BT9F35F4015506. Trị giá tài sản vào tháng 6/2021: 230.000.000 đồng.

Tại Công văn số 591/PC09-Đ2 ngày 18/12/2025 của Phòng K Công an tỉnh V thông báo "khướt từ giám định" đối với bản photo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 102271.

Kết luận giám định số 411/2025/KL-KTHS-KV2 ngày 07/01/2025 của Phòng K Công an tỉnh V kết luận: Chữ ký, chữ viết mang tên Lê Văn T trên tài liệu mẫu cần giám định (ký hiệu A) so với chữ ký, chữ viết của Lê Văn T trên tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu M) do cùng một người ký, viết ra.

Cơ quan điều tra đã xử lý trả xe ô tô Biển số 51F-323.99 cho Công ty Đ. Ông Nguyễn Võ H đại diện Công ty Đ nhận lại xe ô tô Biển số 51F-323.99 và không có yêu cầu gì khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Ngô S yêu cầu Lê Văn T bồi thường số tiền 100.000.000 đồng tiền mua xe, T đồng ý nhưng chưa bồi thường.

Đối với Giấy bán, cho, tặng xe (bản chính); Giấy chứng nhận kiểm định số KD 6355851 (bản chính) và Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 102271 (bản sao) được lưu vào hồ sơ vụ án.

Quá trình điều tra, Lê Văn T khai nhận hành vi phạm tội, lời khai của T phù hợp với lời khai bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, phù hợp vật chứng thu giữ và các chứng cứ khác do Cơ quan điều tra thu thập.

Tại Bản cáo trạng số 52/CT-VKSKV5 ngày 03/02/2026 của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 5-Vĩnh Long đã truy tố bị cáo về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại khoản 3 (thuộc điểm a khoản 1) Điều 175 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng truy tố. Các bị cáo không khiếu nại các hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ngô S trình bày: Việc bị cáo mang xe đến bán cho anh như cáo trạng nêu là đúng. Thời điểm bán xe bị cáo đưa bản sao chụp của giấy đăng ký xe và nói xe bị vi phạm giao thông nên đã bị tạm giữ bản chính giấy đăng ký xe nên không đưa bản chính xe cho anh được. Anh không biết xe do bị cáo phạm tội mà có. Về số tiền mua xe thì trước đây anh có yêu cầu bị cáo trả lại nhưng tại phiên tòa anh thấy hoàn cảnh của bị cáo không có khả năng để trả lại cho anh nên anh không yêu cầu bị cáo phải trả lại số tiền anh mua xe của bị cáo là 100.000.000 đồng. Ngoài ra, anh không có yêu cầu nào khác.

Kiểm sát viên giữ nguyên nội dung cáo trạng và đề nghị:

Về hình phạt chính: Áp dụng khoản 3 (thuộc điểm a khoản 1) Điều 175; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo từ 05 năm đến 06 năm tù về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản".

Về hình phạt bổ sung đề nghị không áp dụng.

Về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng:

Ghi nhận Cơ quan điều tra đã xử lý trả xe ô tô Biển số 51F-323.99 cho Công ty Đ. Ông Nguyễn Võ H đại diện Công ty Đ nhận lại xe ô tô Biển số 51F-323.99 và không có yêu cầu gì khác.

Ghi nhận ông Ngô S không yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 100.000.000 đồng.

Tiếp tục lưu hồ sơ vụ án Giấy bán, cho, tặng xe (bản chính); Giấy chứng nhận kiểm định số KD 6355851 (bản chính) và Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 102271 (bản sao).

Bị cáo nói lời sau cùng: bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa, bị hại vắng mặt nhưng trong quá trình điều tra, họ đã có lời khai đầy đủ, rõ ràng, sự vắng mặt của họ không làm ảnh hưởng đến việc xét xử nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt họ là phù hợp quy định tại Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của những người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác đã được thu thập trong quá trình điều tra, đủ cơ sở xác định: khoảng tháng 6/2021, Lê Văn T sau khi hợp đồng nhận thuê 01 (một) xe ô tô Biển số 51F-323.99, nhãn hiệu Toyota, loại Vios trị giá 230.000.000 đồng của Công ty TNHH Đ do bà Hồ Thị Thúy P làm Giám đốc sau đó mang xe đến phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre (nay là phường P, tỉnh Vĩnh Long) bán cho ông Ngô S nhận được số tiền 100.000.000 đồng rồi bỏ trốn để chiếm đoạt tài sản trên.

[3] Bị cáo là người có đủ năng lực nhận biết rõ việc chiếm đoạt tài sản của người khác bị pháp luật cấm nhưng xuất phát từ động cơ tư lợi bất chính, bị cáo sau khi thuê xe của bị hại trị giá 230.000.000 đồng đã mang xe đi bán với số tiền thu được là 100.000.000 đồng. Vì vậy, cáo trạng truy tố bị cáo về tội "lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" quy đinh tại khoản 3 (điểm a khoản 1) Điều 175 Bộ luật Hình sự là phù hợp.

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây ra tâm lý lo sợ cho quần chúng nhân dân trong lao động, trong sinh hoạt hàng ngày gây tác động xấu đến tình hình an ninh trật tự nơi bị cáo thực hiện tội phạm, nguyên nhân phát sinh các tội phạm và các tệ nạn xã hội khác, gây tâm lý bất an trong quần chúng nhân dân.

[5] Xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, bị cáo không có. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình

sự, bị cáo được hưởng là "Người phạm tội thành khẩn khai báo" theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Căn cứ vào nhân thân, tính chất, mức độ và hậu quả do hành vi bị cáo gây ra, xét thấy việc cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian là điều cần thiết nhằm cải tạo giáo dục các bị cáo trở thành công dân lương thiện có ích cho xã hội và có tác dụng phòng ngừa chung.

[6] Hình phạt bổ sung: bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định nên việc áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo là không cần thiết.

[7] Về xử lý vật chứng, biện pháp tư pháp và trách nhiệm dân sự:

Ghi nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh V đã xử lý trả xe ô tô Biển số 51F-323.99 cho Công ty trách nhiệm hữu hạn Đ. Ông Nguyễn Võ H đại diện Công ty Đ nhận lại xe ô tô Biển số 51F-323.99 và không có yêu cầu gì khác. Ghi nhận ông Ngô S không yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 100.000.000 đồng ông Ngô S đã mua xe do bị cáo bán đã bị thu hồi.

Tiếp tục lưu hồ sơ vụ án Giấy bán, cho, tặng xe (bản chính); Giấy chứng nhận kiểm định số KD 6355851 (bản chính) và Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 102271 (bản sao).

[8] Đối với ông Ngô S khi mua xe nhưng không biết xe do bị cáo phạm tội mà có nên Cơ quan có thẩm quyền không truy cứu trác nhiệm hình sự là phù hợp. Đối với việc Lê Văn T thuê người khác làm bản sao chụp Giấy chứng nhận đăng ký xe mang tên Lê Văn T nhưng đây là giấy sao chụp, không có giá trị pháp lý và Cơ quan điều tra đã trưng cầu giám định tài liệu này nhưng Phòng K Công an tỉnh V từ chối giám định do tài liệu là bản photocopy không đủ yếu tố tiến hành giám định, nên không có cơ sở xử lý trách nhiệm hình sự đối với T về tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức" theo quy định tại Điều 341 Bộ luật Hình sự.

[9] Lời phát biểu luận tội của kiểm sát viên tại phiên tòa về tội danh, điều luật áp dụng, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, hình phạt, xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp là phù hợp nên được chấp nhận.

[10] Về án phí hình sự sơ thẩm, bị cáo bị kết án nên phải nộp theo quy định tại Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố:

Bị cáo Nguyễn Văn T2 phạm tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản".

1. Áp dụng khoản 3 Điều 175; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo 05 (năm) năm 3 (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 18/12/2025.

2. Về xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp: áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tiếp tục lưu hồ sơ vụ án Giấy bán, cho, tặng xe (bản chính); Giấy chứng nhận kiểm định số KD 6355851 (bản chính) và Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 102271 (bản sao).

3. Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng.

4. Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long (1b);
- VKSND tỉnh Vĩnh Long (1b);
- VKSND KV5-Vĩnh Long (1b);
- Cơ quan điều tra CA tỉnh Vĩnh Long (1b);
- Cơ quan THAHS CA tỉnh Vĩnh Long (1b);
- Phòng THA dân sự KV5-Vĩnh Long (1b);
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ CA tỉnh Vĩnh Long (1b);
- UBND P. Hòa Bình, TP.HCM (1b);
- Bị cáo, NTGTT (4b);
- Bộ phận thi hành án Hình sự (3b);
- Lưu (văn phòng, hồ sơ vụ án) (2b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Ngô Văn Trình